

Số: 01/2023/QĐST-DS

Phổ Yên, ngày 03 tháng 01 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 147, 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự ;

Căn cứ các Điều 463, 466, 357, 468 Bộ luật dân sự;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 26 tháng 12 năm 2022 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 116/2022/TLST – DS ngày 19 tháng 12 năm 2022.

XÉT THẤY

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Việt Nam T (VPBank).

Địa chỉ trụ sở: Số 89 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: ông Ngô Chí D – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Người đại diện theo uỷ quyền: ông Phạm Tuấn A – Phó giám đốc Trung tâm xử lý nợ pháp lý theo văn bản uỷ quyền số 25/2020/UQ – HĐQT ngày 07/7/2020 của Chủ tịch Hội đồng quản trị VPBank.

Người đại diện theo uỷ quyền lại của ông Phạm Tuấn A : Ông Phan Việt H – Cán bộ xử lý nợ Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng. Văn bản uỷ quyền số 7321/2021/UQ – LCC – KHDNTT – MB ngày 23/11/2021.

Bị đơn: Bà Phạm Thị Y , sinh năm 1971;

ĐKHKT: Xóm 5, xã Phúc Tân, thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Phạm Quang T , sinh năm 1964;

ĐKHKT: Xóm 5, xã Phúc Tân, thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về việc rút một phần yêu cầu khởi kiện về khoản tiền phạt chậm trả lãi, số tiền 24.680.908 đồng:

Đại diện theo uỷ quyền của Ngân hàng TMCP Việt Nam T (ông Hà) tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện về khoản tiền phạt chậm trả lãi trong Hợp đồng cho vay số 100620-6281521 ngày 10/6/2020 và Hợp đồng cho vay số 090920-6281521 ngày 9/9/2020; Bị đơn (bà Yến), Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (ông Tú) nhất trí với đề nghị của Ngân hàng. Toà án đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện đối với khoản tiền chậm trả lãi số tiền 24.680.908 đồng (*Bằng chữ: hai mươi tư triệu sáu trăm tám mươi nghìn chín trăm linh tám đồng*).

2.2. Về nghĩa vụ trả nợ (tiền VND): Đại diện theo uỷ quyền của Ngân hàng TMCP Việt Nam T (ông H), bà Y, ông T thống nhất thoả thuận: Bà Y, ông T liên đới có trách nhiệm trả toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi là 1.453.973.576đ (Một tỷ bốn trăm năm mươi ba triệu chín trăm bảy mươi ba nghìn năm trăm bảy mươi sáu đồng). Trong đó: Nợ gốc: 1,217,089,553 đồng; Nợ lãi trong hạn: 27,624,336 đồng; Nợ lãi quá hạn: 209.259.687 đồng cho Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng, cụ thể làm 06 kỳ như sau:

Kỳ 1: Bà Phạm Thị Y, ông Phạm Quang T có trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng TMCP Việt Nam T số tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) vào ngày 19/01/2023 (dương lịch);

Kỳ 2: Bà Phạm Thị Y, ông Phạm Quang T có trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng TMCP Việt Nam T số tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) vào ngày 19/02/2023 (dương lịch);

Kỳ 3: Bà Phạm Thị Y, ông Phạm Quang T có trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng TMCP Việt Nam T số tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) vào ngày 19/03/2023 (dương lịch);

Kỳ 4: Bà Phạm Thị Yến, ông Phạm Quang T có trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng TMCP Việt Nam T số tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) vào ngày 19/4/2023 (dương lịch);

Kỳ 5: Bà Phạm Thị Y, ông Phạm Quang T có trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng số tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) vào ngày 19/5/2023 (dương lịch);

Kỳ 6: Bà Phạm Thị Yến, ông Phạm Quang Tú có trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng TMCP Việt Nam T số tiền gốc và lãi còn lại của hợp đồng là 1.303.973.576 (Một tỷ ba trăm linh ba triệu chín trăm bảy mươi ba nghìn năm trăm bảy mươi sáu đồng) vào ngày 19/6/2023 (dương lịch).

2.3. Về lãi suất chậm trả: Kể từ ngày tiếp theo của ngày thoả thuận (27/12/2022), bà Y, ông T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của toàn bộ số tiền chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thoả thuận trong hợp đồng vay cho đến khi thanh toán xong khoản nợ này. Trường hợp trong hợp đồng vay, các bên có thoả thuận điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân

hàng cho vay theo quyết định của Toà án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2.4. Về biện pháp bảo đảm thi hành khoản tiền nợ: Ngân hàng TMCP Việt Nam T (người đại diện theo ủy quyền) và bà Y , ông T nhất trí thỏa thuận: Nếu đến kỳ hạn thanh toán như thỏa thuận trên, nếu phía bà Y , ông T không trả được mà vi phạm bất kỳ một kỳ hạn trả nào thì Ngân hàng TMCP Việt Nam T có quyền đề nghị cơ quan Thi hành án dân sự thi hành án toàn bộ khoản tiền vay mà không cần phải đến kỳ hạn tiếp theo.

2.5. Về án phí: Đại diện theo uỷ quyền của Ngân hàng TMCP Việt Nam T (ông H), bà Yên, ông T thống nhất thỏa thuận: Bà Y chịu toàn bộ án phí sơ thẩm có giá ngạch khoản tiền vay bằng 50% mức án phí số tiền khởi kiện 1.453.973.576đ (*Bằng chữ: Một tỷ bốn trăm năm mươi ba triệu chín trăm bảy mươi ba nghìn năm trăm bảy mươi sáu đồng*), số tiền án phí phải nộp được xác định là: **27.809.000đồng** (*Đã làm tròn*).

(Bằng chữ: Hai mươi bảy triệu tám trăm linh chín nghìn đồng).

Trả lại cho Ngân hàng TMCP Việt Nam T tiền tạm ứng án phí đã nộp: **27.000.000đ** (*Bằng chữ: Hai mươi bảy triệu đồng*) theo biên lai thu số 0001313 ngày 19/12/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phổ Yên.

3. Quyết định này có hiệu lực Pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND T.P Phổ Yên;
- Chi cục THADS T.P Phổ Yên;
- Lưu HS.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thu Hà